

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 867/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố kết quả xếp hạng Chỉ số hiệu quả quản trị cấp huyện (DGI) đối với các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 3447/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ Chỉ số hiệu quả quản trị cấp huyện (DGI) tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 -2030;

Căn cứ Kế hoạch số 249/KH-UBND ngày 10/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai đánh giá Chỉ số hiệu quả quản trị của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 75/TTr-SNV ngày 26/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố xếp hạng Chỉ số hiệu quả quản trị cấp huyện (DGI) đối với các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2023 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ Chỉ số hiệu quả quản trị cấp huyện (DGI) năm 2023 của các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị cấp huyện trong các năm tiếp theo.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì theo dõi kết quả triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị tại các địa phương.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Cao Tường Huy

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CẤP HUYỆN (DGI) NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số: 867/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Điểm năm 2023	Chỉ số tổng hợp năm 2023 (%)
1	Huyện Tiên Yên	75,40	94,25%
2	Huyện Hải Hà	75,25	94,06%
3	Thành phố Móng Cái	74,50	93,13%
4	Thành phố Cẩm Phả	73,43	91,79%
5	Thành phố Hạ Long	73,39	91,74%
6	Thành phố Uông Bí	73,33	91,66%
7	Huyện Bình Liêu	73,26	91,58%
8	Thị xã Đông Triều	72,29	90,36%
9	Huyện Cô Tô	72,15	90,19%
10	Huyện Vân Đồn	71,54	89,43%
11	Huyện Ba Chẽ	71,18	88,98%
12	Huyện Đầm Hà	70,47	88,09%
13	Thị xã Quảng Yên	70,19	87,74%